

Số: 162/ HTV-TMS – HTVC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 06 năm 2021

**KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ
CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

**Tên dịch vụ: Dịch vụ truy cập Internet băng rộng cố định mặt đất sử dụng công nghệ FTTH/xPON (dịch vụ truy cập Internet cáp quang)
Quý II năm 2021**

1. Đơn vị đầu mối về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông

- Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ KỸ THUẬT TRUYỀN THÔNG HTV**
- Địa chỉ: 09 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM
- Điện thoại: (84-8) 3910 1212 Fax Fax: (84-8) 3910 6161
- E-mail: info(@tms.com.vn).

2. Đơn vị lập bản kết quả tự kiểm tra định kỳ chất lượng dịch vụ viễn thông

- Tên đơn vị: **TRUNG TÂM DỊCH VỤ HTVC.**
- Địa chỉ: số 09 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM.
- Điện thoại: (84-8) 3910 1212
- E-mail: info(@tms.com.vn)

3. Kết quả tự kiểm tra

3.1. Việc tuân thủ “Quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông”.

3.1.1. Công bố chất lượng dịch vụ:

- Gửi hồ sơ công bố chất lượng đến Cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng dịch vụ viễn thông:

Đã gửi, ngày gửi:

Chưa gửi.

- Công bố "Bản công bố chất lượng dịch vụ viễn thông" trên website www.htvc.vn

Đã công bố. Ngày công bố:

Chưa công bố.

- Niêm yết “Bản công bố chất lượng dịch vụ viễn thông” tại các điểm giao dịch: **03**

■ Tổng số địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã kiểm tra: **01.**

Đã niêm yết tại tất cả các điểm giao dịch trên các địa bàn được kiểm tra. Ngày hoàn thành :.....

Chưa hoàn thành việc niêm yết:

■ Số điểm giao dịch trên các địa bàn được kiểm tra đã được niêm yết:

■ Số điểm giao dịch trên các địa bàn được kiểm tra chưa được niêm yết:

■ Số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa được niêm yết tại bất kỳ điểm giao dịch nào:

.....

Chưa thực hiện việc niêm yết:

- Có sự thay đổi về tiêu chuẩn áp dụng hoặc có bất kỳ sự thay đổi nào về nội dung công bố so với lần công bố trước

Không

Có sự thay đổi:

- Nội dung thay đổi: Áp dụng “Bản công bố chất lượng dịch vụ viễn thông số 1706/HTV-TMS-HTVC” được công bố ngày 17/06/2021 thay thế cho “Bản công bố chất lượng dịch vụ viễn thông số 0601/HTV-

TMS-HTVC” được công bố ngày 06/01/2021.

+ Thực hiện lại công bố chất lượng:

Đã thực hiện.

Chưa thực hiện.

Ngày hoàn thành :.....

3.1.2. Báo cáo chất lượng dịch vụ:

- Báo cáo định kỳ

Đã báo cáo. Ngày báo cáo:

Chưa báo cáo.

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước:

Không có yêu cầu báo cáo đột xuất.

Có yêu cầu báo cáo đột xuất, thời hạn yêu cầu báo cáo: trước ngày:...../..... 20.....

Đã báo cáo. Ngày báo cáo: .../.. /20...

Chưa báo cáo.

- Báo cáo khi có sự cố:

Không có sự cố.

Có.....sự cố: tại.....ngày....., sự cố về.....

mức độ ảnh hưởng.....

Đã báo cáo. ngày báo cáo:.....

Chưa báo cáo.

Ghi chú:.....

3.2. Đo kiểm thực tế chất lượng dịch vụ:

- Số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ: 01

- Số địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đo kiểm: 01 gồm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tên sau: **Bình Dương.**

- Số địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có mức chất lượng dịch vụ phù hợp mức chất lượng đã công bố: **01** gồm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tên sau: Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương.

- Số địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có mức chất lượng dịch vụ không phù hợp mức chất lượng dịch vụ đã công bố: 0

4. Số bản chỉ tiêu chất lượng tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kèm theo kết quả tự kiểm tra định kỳ chất lượng dịch vụ viễn thông: **01 bản.**

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

LÊ PHƯỚC HIẾU TRUNG



KẾT QUẢ TỰ ĐO KIỂM CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET BẰNG RỒNG CỎ ĐỊNH MẶT ĐẤT
SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ FTTH/XPON
 Quý II : Năm 2021

Tại địa bàn: Bình Dương

TT	Chỉ tiêu chất lượng dịch vụ	Mức theo QCVN 34: 2019/BTTTT	Mức doanh nghiệp công bố	số lượng mẫu tối thiểu phải đo kiểm theo quy định QCVN 34: 2019/BTTTT	Số lượng mẫu đo kiểm thực tế	Phương pháp xác định	Mức chất lượng thực tế đạt được	Tự đánh giá	
1	Thời gian trễ trung bình	≤ 50 ms	≤ 50 ms	1000 mẫu	1000 mẫu	Mô phỏng	30 ms	Phù hợp	
2	Tốc độ tải dư liệu trung bình	- Tốc độ tải xuống trung bình P_d							
	BH25	$P_d \geq 0,8 V_d$	$P_d \geq 0,8 V_d$	1000 mẫu	1000 mẫu	Mô phỏng	0.86 V_d	Phù hợp	
	BH35	$P_d \geq 0,8 V_d$	$P_d \geq 0,8 V_d$	1000 mẫu	1000 mẫu		0.86 V_d	Phù hợp	
	BH40	$P_d \geq 0,8 V_d$	$P_d \geq 0,8 V_d$	1000 mẫu	1000 mẫu		0.86 V_d	Phù hợp	
	BH45	$P_d \geq 0,8 V_d$	$P_d \geq 0,8 V_d$	1000 mẫu	1000 mẫu		0.87 V_d	Phù hợp	
	BH60	$P_d \geq 0,8 V_d$	$P_d \geq 0,8 V_d$	1000 mẫu	1000 mẫu		0.87 V_d	Phù hợp	
	BH70	$P_d \geq 0,8 V_d$	$P_d \geq 0,8 V_d$	1000 mẫu	1000 mẫu		0.88 V_d	Phù hợp	
	BH80	$P_d \geq 0,8 V_d$	$P_d \geq 0,8 V_d$	1000 mẫu	1000 mẫu		0.88 V_d	Phù hợp	
	BH100	$P_d \geq 0,8 V_d$	$P_d \geq 0,8 V_d$	1000 mẫu	1000 mẫu	0.89 V_d	Phù hợp		
	HTV-PRO	$P_u \geq 0,8 V_u$	$P_u \geq 0,8 V_u$	1000 mẫu	1000 mẫu	0.89 V_u	Phù hợp		
	- Tốc độ tải lên trung bình P_u								
	BH25	$P_u \geq 0,8 V_u$	$P_u \geq 0,8 V_u$	1000 mẫu	1000 mẫu	0.87 V_u	Phù hợp		
	BH35	$P_u \geq 0,8 V_u$	$P_u \geq 0,8 V_u$	1000 mẫu	1000 mẫu	0.87 V_u	Phù hợp		
	BH40	$P_u \geq 0,8 V_u$	$P_u \geq 0,8 V_u$	1000 mẫu	1000 mẫu	0.88 V_u	Phù hợp		

BH45	$P_u \geq 0,8 V_u$	$P_u \geq 0,8 V_u$	1000 mẫu	1000 mẫu	1000 mẫu	Mô phỏng	0.88 V_u	Phù hợp
BH60	$P_u \geq 0,8 V_u$	$P_u \geq 0,8 V_u$	1000 mẫu	1000 mẫu	1000 mẫu		0.88 V_u	Phù hợp
BH70	$P_u \geq 0,8 V_u$	$P_u \geq 0,8 V_u$	1000 mẫu	1000 mẫu	1000 mẫu		0.88 V_u	Phù hợp
BH80	$P_u \geq 0,8 V_u$	$P_u \geq 0,8 V_u$	1000 mẫu	1000 mẫu	1000 mẫu		0.89 V_u	Phù hợp
BH100	$P_u \geq 0,8 V_u$	$P_u \geq 0,8 V_u$	1000 mẫu	1000 mẫu	1000 mẫu		0.89 V_u	Phù hợp
3	Dịch vụ hỗ trợ Khách hàng							
	<p>- Thời gian cung cấp dịch vụ hỗ trợ Khách hàng bằng nhân công qua điện thoại.</p> <p>Tỷ lệ (%) cuộc gọi tới dịch vụ hỗ trợ Khách hàng chiếm mạch thành công, gửi yêu cầu kết nối đến điện thoại viên và nhận tín hiệu trả lời của điện thoại viên trong vòng 60s</p>							
	24h trong ngày	24h trong ngày		250 cuộc		Mô phỏng	24h/ngày	Phù hợp
	$\geq 80\%$	$\geq 80\%$				Mô phỏng	93,3%	Phù hợp

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



HUY PHUOC HIU TRUNG